

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP – IN – BAO BÌ
LIK SIN – TNHH MTV
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2025



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11 - 44

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Công nghiệp – In – Bao bì Liksin – TNHH MTV (sau đây được gọi là “Tổng Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Hội đồng Thành viên, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát đã điều hành Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Thành viên

Ông Trần Ngọc Sơn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Ngọc Minh Thy	Thành viên
Ông Trịnh Xuân Quang	Thành viên
Ông Lê Quang Bình	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Ngọc Minh Thy	Tổng Giám đốc
Ông Đoàn Hồng Minh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lại Thị Ngọc Lan	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Thọ Vượng	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Bà Trương Thị Hương Giang	Trưởng ban kiểm soát
Ông Nguyễn Ngọc Hoàn	Thành viên

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty khẳng định rằng, không có bất cứ sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, đòi hỏi phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng có trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc, *lml*



Nguyễn Ngọc Minh Thy

Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2026

Số: 483/2026/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Công nghiệp – In – Bao bì Liksin – TNHH MTV
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Công nghiệp – In – Bao bì Liksin – TNHH MTV

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Công nghiệp – In – Bao bì Liksin – TNHH MTV (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) được lập ngày 31 tháng 03 năm 2026, từ trang 06 đến trang 44 kèm theo, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Công nghiệp – In – Bao bì Liksin – TNHH MTV tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Bùi Minh Đức

Giám đốc kiểm toán

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 5586-2026-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2026

Trần Văn Đông

Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 6503-2024-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Tại ngày 31/12/2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		904.280.990.082	843.907.996.446
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	74.126.337.080	123.421.343.831
Tiền	111		62.126.337.080	106.421.343.831
Các khoản tương đương tiền	112		12.000.000.000	17.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	264.000.000.000	191.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.1	264.000.000.000	191.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		339.984.510.902	299.661.135.027
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	337.977.026.740	303.349.189.063
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	8.730.020.198	6.158.163.150
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	8.090.077.595	5.958.013.492
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(14.878.140.189)	(15.832.668.497)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		65.526.558	28.437.819
Hàng tồn kho	140	10	199.633.021.002	200.462.369.929
Hàng tồn kho	141		217.686.474.090	221.102.587.764
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(18.053.453.088)	(20.640.217.835)
Tài sản ngắn hạn khác	150		26.537.121.098	29.363.147.659
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	1.937.774.048	648.831.736
Thuế GTGT được khấu trừ	152		22.593.023.558	24.521.912.306
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	2.006.323.492	4.192.403.617
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		837.364.517.380	865.247.006.631
Các khoản phải thu dài hạn	210		121.850.000	98.850.000
Phải thu dài hạn khác	216	8	121.850.000	98.850.000
Tài sản cố định	220		371.490.260.307	415.899.885.451
Tài sản cố định hữu hình	221	14	366.450.810.560	410.693.088.556
- Nguyên giá	222		1.335.834.024.624	1.313.139.822.732
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(969.383.214.064)	(902.446.734.176)
Tài sản cố định vô hình	227	13	5.039.449.747	5.206.796.895
- Nguyên giá	228		8.400.169.905	8.356.169.905
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.360.720.158)	(3.149.373.010)
Tài sản dở dang dài hạn	240		936.881.705	90.435.455
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	936.881.705	90.435.455
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	437.325.860.493	422.889.844.077
Đầu tư vào công ty liên kết	252	5.2	409.778.010.493	395.341.994.077
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253	5.2	65.447.060.000	65.447.060.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	5.2	(37.899.210.000)	(37.899.210.000)
Tài sản dài hạn khác	260		27.489.664.875	26.267.991.648
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	27.478.769.946	26.246.054.710
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		10.894.929	21.936.938
TỔNG TÀI SẢN	270		1.741.645.507.462	1.709.155.003.077

Mẫu số B01-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)
 Tại ngày 31/12/2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		497.173.770.719	528.385.611.212
Nợ ngắn hạn	310		445.510.978.450	476.249.530.660
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	101.670.941.128	111.240.266.541
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	2.254.551.963	2.476.879.828
Thuế và các khoản phải nộp Nhà	313	17	34.492.077.449	44.330.938.569
Phải trả người lao động	314		50.613.159.305	54.165.430.723
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	14.850.326.091	19.224.925.950
Phải trả ngắn hạn khác	319	20	4.136.552.026	3.164.329.208
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	130.748.553.566	150.142.411.969
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		106.744.816.922	91.504.347.872
Nợ dài hạn	330		51.662.792.269	52.136.080.552
Phải trả dài hạn khác	337	20	1.098.093.000	1.103.093.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	18	11.185.958.679	13.930.650.079
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	341		2.155.114.633	2.073.879.522
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		37.223.625.957	35.028.457.951
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	21	1.244.471.736.743	1.180.769.391.865
Vốn chủ sở hữu	410		1.244.471.736.743	1.180.769.391.865
Vốn góp của chủ sở hữu	411		845.250.000.000	845.250.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		129.482.353.206	77.789.675.474
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		235.713.843.957	222.417.033.850
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		216.830.214.868	206.635.134.282
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		18.883.629.089	15.781.899.568
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		34.025.539.580	35.312.682.541
TỔNG NGUỒN VỐN	440		1.741.645.507.462	1.709.155.003.077

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Tổng Giám Đốc





Phùng Nguyễn Hồng Nguyệt

Nguyễn Lê Quốc Dzĩnh

Nguyễn Ngọc Minh Thy

Mẫu số B02-DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	1.661.947.114.876	1.687.345.655.445
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	4.505.862.644	2.863.763.015
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.657.441.252.232	1.684.481.892.430
Giá vốn hàng bán	11	24	1.344.463.409.423	1.376.668.109.936
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		312.977.842.809	307.813.782.494
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	47.237.041.034	41.198.771.342
Chi phí tài chính	22	26	9.060.739.693	5.334.247.312
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		7.454.216.569	4.528.796.640
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		18.023.063.402	11.277.576.463
Chi phí bán hàng	25	27	80.177.640.333	75.964.176.749
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	124.149.704.861	113.680.321.285
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		164.849.862.358	165.311.384.953
Thu nhập khác	31	28	20.145.041.114	19.997.641.406
Chi phí khác	32	29	5.093.843.149	11.162.593.613
Lợi nhuận khác	40		15.051.197.965	8.835.047.793
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		179.901.060.323	174.146.432.746
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	26.579.932.143	27.624.665.176
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		92.277.120	86.286.167
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		153.228.851.060	146.435.481.403
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		147.562.393.852	139.171.302.965
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		5.666.457.208	7.264.178.438

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Tổng Giám đốc





Phùng Nguyễn Hồng Nguyệt

Nguyễn Lê Quốc Dzĩnh

Nguyễn Ngọc Minh Thy

Mẫu số B03-DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01	179.901.060.323	174.146.432.746
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	70.471.373.525	72.004.130.349
Các khoản dự phòng	03	(3.541.293.055)	9.462.512.267
(Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(2.188.705)	(103.323.104)
(Lãi) hoạt động đầu tư	05	(46.656.983.355)	(40.788.163.216)
Chi phí lãi vay	06	7.454.216.569	4.528.796.640
Các điều chỉnh khác	07	2.195.168.006	3.588.688.813
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	209.821.353.308	222.839.074.495
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(47.798.622.453)	(28.557.815.148)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	3.416.113.674	50.152.792.999
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(8.861.333.385)	15.002.615.120
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(2.521.657.548)	2.384.755.295
Tiền lãi vay đã trả	14	(7.481.923.599)	(4.698.293.828)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(29.546.185.176)	(25.598.624.071)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(37.521.631.119)	(53.271.406.092)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	79.506.113.702	178.253.098.770
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(42.920.321.369)	(4.709.269.220)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	271.876.263	118.181.818
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(397.000.000.000)	(198.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	324.000.000.000	267.000.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được	27	44.387.339.971	41.103.293.727
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(71.261.105.135)	105.512.206.325

Mẫu số B03-DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tiền thu từ đi vay	33		282.069.777.406	286.789.380.155
Tiền trả nợ gốc vay	34		(304.208.327.209)	(198.901.278.812)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(35.403.724.868)	(353.729.128.539)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(57.542.274.671)	(265.841.027.196)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(49.297.266.104)	17.924.277.899
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	123.421.343.831	105.470.640.238
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		2.259.353	26.425.694
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	74.126.337.080	123.421.343.831

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu

Phùng Nguyễn Hồng Nguyệt

Phụ trách kế toán

Nguyễn Lê Quốc Dzĩnh

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Minh Thy

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Mẫu số B09-DN/HN

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Tổng Công ty Công nghiệp – In – Bao bì Liksin – TNHH MTV (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) được thành lập và hoạt động theo hình thức Công ty mẹ - Công ty con theo Quyết định số 3330/QĐ-UBND ngày 30/07/2010 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301441600 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 07 tháng 09 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ tám ngày 28 tháng 09 năm 2025.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 845.250.000.000 đồng.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại 159 Kinh Dương Vương, Phường Phú Lâm, thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên tại Công ty mẹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là: 1106 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là: 1103 người).

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Lĩnh vực kinh doanh chính của Tổng Công ty: Sản xuất các sản phẩm về chế bản, in, bao bì, hóa chất, cơ khí, giấy và nguyên liệu giấy, các dịch vụ văn hóa tổng hợp..

Các ngành nghề kinh doanh chính của Tổng Công ty bao gồm:

- Sản xuất các sản phẩm về chế bản, in, bao bì, hóa chất, cơ khí, giấy và nguyên liệu giấy, các dịch vụ văn hóa tổng hợp;
- Sản xuất mực in;
- Xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng, sân bãi, đường nội bộ;
- San lấp mặt bằng;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu nguyên liệu, thiết bị máy móc các ngành: công nghiệp, giấy, in và bao bì, văn hóa phẩm, đào tạo nghiên cứu khoa học, dịch vụ công nghệ thông tin;
- Kinh doanh nhà, dịch vụ chuyển quyền sử dụng đất;
- Cho thuê nhà, xưởng, kho bãi, quầy sạp, cửa hàng kinh doanh (chỉ thực hiện đối với những dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt);
- Đầu tư tài chính vào doanh nghiệp khác;
- Dạy nghề: Đào tạo giáo dục đến trình độ trung cấp các nghề: kỹ thuật in ống đồng, in Flexo, in Offset (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh các sản phẩm về chế bản, in, bao bì, hóa chất, cơ khí, giấy và nguyên liệu giấy, các dịch vụ văn hoá hợp nhất.

1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty trong vòng 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.4 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Tổng Công ty đã được kiểm toán.

1.5 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tổng Công ty có 02 trung tâm và 03 xí nghiệp là các đơn vị hạch toán phụ thuộc như sau:

- Trung tâm kinh doanh An Thịnh
- Trung tâm Tân Đức
- Xí nghiệp Bao bì An Khang
- Xí nghiệp In Bao Bì Giấy Liksin
- Xí nghiệp Bao Bì Liksin

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tổng Công ty có đầu tư vào 01 công ty con, 11 công ty liên doanh liên kết và 09 khoản đầu tư vào đơn vị khác chi tiết tại thuyết minh số 5.2 “Đầu tư tài chính dài hạn”.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ NĂM TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính của Tổng Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo tài chính của Tổng Công ty và Báo cáo tài chính của 01 công ty con do Tổng Công ty kiểm soát và các công ty liên doanh, liên kết được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty con sử dụng được áp dụng các chính sách kế toán của Tổng Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ NĂM TÀI CHÍNH (TIẾP)

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ NĂM TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa Công ty mẹ với Công ty con và giữa công ty con với nhau, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích của những chủ sở hữu không nắm quyền kiểm soát trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tổng Công ty. Sự kiểm soát tồn tại khi Tổng Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát, Tổng Công ty phải xem xét quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Theo phương pháp mua, tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty được mua được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Tổng Công ty đầu tư để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ tại công ty con, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm tại ngày mua được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi công ty thoái một phần vốn tại công ty con:

- Nếu sau khi thoái vốn Tổng Công ty vẫn giữ quyền kiểm soát: Kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.
- Nếu sau khi thoái vốn Tổng Công ty mất quyền kiểm soát và công ty con trở thành công ty liên doanh, liên kết: khoản đầu tư còn lại được trình bày ở khoản mục “Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết” trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu và kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ NĂM TÀI CHÍNH (TIẾP)

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ NĂM TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Trường hợp công ty con huy động thêm vốn góp từ các chủ sở hữu, nếu tỷ lệ vốn góp thêm của các bên không tương ứng với tỷ lệ hiện hành thì phần chênh lệch giữa số vốn góp thêm của Tổng Công ty và phần sở hữu tăng thêm trong tài sản thuần của công ty con được ghi nhận vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua công ty con hoặc mua các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Lợi thế thương mại được trình bày riêng như một tài sản khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Giá gốc của lợi thế thương mại phát sinh là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư.

Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Bất lợi thương mại (nếu có)

Bất lợi thương mại là phần phụ trội lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết, và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát tại ngày phát sinh nghiệp vụ mua công ty so với giá phí hợp nhất kinh doanh.

Bất lợi kinh doanh được hạch toán ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm phát sinh.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tổng Công ty và các công ty con có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ NĂM TÀI CHÍNH (TIẾP)

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ NĂM TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Công ty mẹ và các Công ty con trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Công ty và các công ty con có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết. Sau khi áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu, bao gồm cả việc ghi nhận khoản lỗ trong công ty liên doanh, liên kết, Tổng Công ty áp dụng các quy định của Chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính để xác định xem có cần phải ghi nhận thêm khoản lỗ do giảm giá trị khoản đầu tư thuần của nhà đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết hay không. Việc xác định giá trị khoản đầu tư thuần vào công ty liên doanh, liên kết bị suy giảm được thực hiện theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Tổn thất tài sản”.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tổng Công ty và các công ty con thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tổng Công ty và các công ty con khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

2.3 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.4 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1. CƠ SỞ, MỤC ĐÍCH LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính được lập là báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.2. ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Thời gian phân bổ chi phí trả trước

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá là hợp lý.

3.3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc chuyển đổi giá trị của các khoản này.

3.4. CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản phải thu gồm: các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Tổng Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Tổng Công ty;
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào việc đánh giá mức tổn thất để lập dự phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: Nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: Căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

3.6. HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành theo tỷ lệ sản phẩm hoàn thành tương đương.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán riêng theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn được điều kiện trên được Tổng Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản

Thời gian sử dụng (năm)

- Nhà cửa, vật kiến trúc
- Máy móc, thiết bị
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn
- Thiết bị văn phòng
- Các tài sản khác

08 - 30

03 - 12

10

03 - 10

Tối đa 20 năm

3.8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước bao gồm: khoản phải trả trước tiền thuê đất, công cụ, dụng cụ và các khoản chi phí trả trước khác.

3.10. CÁC KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.11. CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Tổng Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay phải trả trong năm, gồm: chi phí lãi vay ngân hàng.
- Các khoản chi phí khác có liên quan đến hoạt động kinh doanh trong năm.

3.13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty.

Tổng Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty theo Nghị định 366/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 về quản lý và đầu tư vốn Nhà nước tại doanh nghiệp.

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tổng Công ty.
- Quỹ khen thưởng phúc, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban Tổng Giám đốc: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên báo cáo tài chính.

3.14. DOANH THU

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá đã được chuyển giao cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.14. DOANH THU (TIẾP)

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

3.15. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,.... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

3.16. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

3.17. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

- a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

- b) Chi phí thuế TNDN hiện hành:

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN năm tài chính hiện hành.

- c) Thuế suất thuế TNDN hiện hành:

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.18. BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Tổng Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Tổng Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Tiền mặt	2.172.021.264	1.643.861.323
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	59.954.315.816	104.777.482.508
- Các khoản tương đương tiền	12.000.000.000	17.000.000.000
Cộng	74.126.337.080	123.421.343.831

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

5.1 ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
- Tiền gửi có kỳ hạn	264.000.000.000	264.000.000.000	191.000.000.000	191.000.000.000
Cộng	264.000.000.000	264.000.000.000	191.000.000.000	191.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

5.2 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	188.505.124.799	409.778.010.493	188.505.124.799	395.341.994.077
- Công ty Cổ phần Bao Bì Đông Nam Việt	39.800.000.000	50.236.207.275	39.800.000.000	42.753.874.205
- Công ty TNHH Liên doanh Hoa Việt	78.085.000.000	95.426.799.373	78.085.000.000	97.727.486.609
- Công ty Cổ phần Giấy Linh Xuân	6.656.950.000	10.824.180.744	6.656.950.000	7.830.643.722
- Công ty Cổ phần Sơn Bạch Tuyết	24.150.000.000	160.907.663.798	24.150.000.000	161.487.125.049
- Công ty Cổ phần Nhựa Phú Thọ	2.648.000.000	-	2.648.000.000	-
- Công ty Cổ phần Phát Tài	6.797.058.884	16.603.809.269	6.797.058.884	14.825.369.701
- Công ty Cổ phần In Nhân Hàng An Lạc	12.949.782.500	34.395.128.579	12.949.782.500	35.616.354.529
- Công ty Cổ phần In - Bao bì An Phú	7.659.847.283	932.354.571	7.659.847.283	1.280.290.846
- Công ty Cổ phần In Bao Bì Bình Thuận	4.321.350.040	36.696.965.873	4.321.350.040	30.556.964.691
- Công ty Cổ phần In và Phát hành sách Lâm Đồng	4.213.136.092	3.754.901.011	4.213.136.092	3.263.884.725
- Công ty Cổ phần Máy An Phát	1.224.000.000	-	1.224.000.000	-
Cộng	188.505.124.799	409.778.010.493	188.505.124.799	395.341.994.077

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

5.2 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP)

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào đơn vị khác	65.447.060.000	(37.899.210.000)	65.447.060.000	(37.899.210.000)
- Ngân hàng TMCP Đông Á (2)	5.526.640.000	(3.980.370.000)	5.526.640.000	(3.980.370.000)
+ <i>Đầu tư từ Nguồn vốn kinh doanh</i>	<i>3.980.370.000</i>	<i>(3.980.370.000)</i>	<i>3.980.370.000</i>	<i>(3.980.370.000)</i>
+ <i>Đầu tư từ Nguồn Quỹ khen thưởng phúc lợi</i>	<i>1.546.270.000</i>	-	<i>1.546.270.000</i>	-
- Công ty Cổ phần Mực in & Hóa chất Sài Gòn (*)	798.840.000	(618.840.000)	798.840.000	(618.840.000)
+ <i>Đầu tư từ Nguồn vốn kinh doanh</i>	<i>618.840.000</i>	<i>(618.840.000)</i>	<i>618.840.000</i>	<i>(618.840.000)</i>
+ <i>Đầu tư từ Nguồn Quỹ khen thưởng phúc lợi</i>	<i>180.000.000</i>	-	<i>180.000.000</i>	-
- Công ty Cổ phần Giấy Vinh Huê (*)	2.100.000.000	(2.100.000.000)	2.100.000.000	(2.100.000.000)
- Công ty Cổ phần Nhựa 04 (*)	1.976.280.000	-	1.976.280.000	-
- Công ty Cổ phần In Tiền Giang (*)	525.000.000	-	525.000.000	-
- Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình (*)	5.867.480.000	-	5.867.480.000	-
- Công ty Cổ phần Văn hóa Phương Nam (*)	15.352.820.000	-	15.352.820.000	-
- Công ty Cổ phần Mai Lan (*)	2.100.000.000	-	2.100.000.000	-
- Công ty Cổ phần Vật liệu tự dính Việt Nam (2)	31.200.000.000	(31.200.000.000)	31.200.000.000	(31.200.000.000)
Cộng	65.447.060.000	(37.899.210.000)	65.447.060.000	(37.899.210.000)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính vì không có giá niêm yết thị trường cho các công cụ tài chính này, đồng thời Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(*) Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, Tổng Công ty chưa thu thập được Báo cáo tài chính năm 2025 của các đơn vị này. Do đó, Tổng Công ty đang xem xét dự phòng tổn thất đầu tư tài chính trên cơ sở Báo cáo tài chính gần nhất.

(1) Ngân hàng TMCP Đông Á: Ngân hàng Nhà nước chuyển giao bắt buộc từ 17/01/2025 và ngày 15/02/2025 đổi tên thành Ngân hàng TNHH MTV Số Vikki. Tổng Công ty Liksin có Công văn số 46/Liksin-KT ngày 05/03/2025, Công văn số 131/Liksin-KT ngày 06/06/2025, Công văn 291/Liksin-KT ngày 25/11/2025 báo cáo Ủy ban Nhân dân Thành phố về tình hình vốn đầu tư của Liksin tại Ngân hàng TMCP Đông Á sau chuyển giao bắt buộc, Tổng Công ty đang đợi ý kiến chỉ đạo từ cấp trên để thực hiện theo quy định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

5.2 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP)

(2) Tòa án Tỉnh Bình Thuận đã mở thủ tục phá sản từ năm 2018.

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
I. CÔNG TY CON				
Công ty Cổ phần Bao bì Liksin Phương Bắc	Tỉnh Bắc Ninh	50,00%	50,00%	- Sản xuất bao bì
II. CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT				
Công ty Cổ phần Bao bì Đông Nam Việt	Thành phố Hồ Chí Minh	42,80%	42,80%	- Sản xuất thùng carton
Công ty TNHH Liên doanh Hoa Việt	Thành phố Hồ Chí Minh	10,01%	10,01%	- Kinh doanh sân golf
Công ty Cổ phần Giấy Linh Xuân	Thành phố Hồ Chí Minh	28,85%	28,85%	- Sản xuất giấy
Công ty Cổ phần Sơn Bạch Tuyết	Thành phố Hồ Chí Minh	35,00%	35,00%	- Sản xuất các loại sản phẩm từ nhựa plastic
Công ty Cổ phần Nhựa Phú Thọ	Thành phố Hồ Chí Minh	48,15%	48,15%	- Sản xuất chai nhựa, nắp nút, đồ
Công ty Cổ phần Phát Tài	Thành phố Hồ Chí Minh	37,50%	37,50%	- In hóa đơn, in vé số
Công ty Cổ phần In Nhãn hàng An Lạc	Tỉnh Tây Ninh	37,40%	37,40%	- In nhãn các sản phẩm
Công ty Cổ phần In - Bao bì An Phú	Tỉnh Tây Ninh	23,27%	23,27%	- In ấn các loại ấn phẩm sách báo
Công ty Cổ phần Bao bì Bình Thuận	Tỉnh Lâm Đồng	25,00%	25,00%	- In ấn sản xuất bao bì
Công ty Cổ phần In & Phát hành sách Lâm Đồng	Tỉnh Lâm Đồng	36,00%	36,00%	- Kinh doanh các loại sách, văn hóa
Công ty Cổ phần Máy An Phát	Tỉnh Tây Ninh	36,07%	36,07%	- Chế tạo máy móc, thiết bị phục vụ cho ngành in và bao bì

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

5.2 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP)

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
III. ĐẦU TƯ VÀO ĐƠN VỊ KHÁC				
Ngân hàng TMCP Đông Á	Thành phố Hồ Chí Minh	0,11%	0,11%	- Ngân hàng
Công ty Cổ phần Mực in & Hòa chất Sài Gòn	Thành phố Hồ Chí Minh	12,40%	12,40%	- Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tường, sản xuất mực in và ma
Công ty Cổ phần Giấy Vĩnh Huệ	Thành phố Hồ Chí Minh	10,77%	10,77%	- Sản xuất và in các loại giấy
Công ty Cổ phần Nhựa 04	Thành phố Hồ Chí Minh	9,49%	9,49%	- Sản xuất các sản phẩm tiêu dùng từ chất dẻo
Công ty Cổ phần In Tiền Giang	Tỉnh Đồng Tháp	6,25%	6,25%	- In ấn và kinh doanh sách
Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình	Thành phố Hồ Chí Minh	12,32%	12,32%	- Sản xuất ngành in, bao bì giấy
Công ty Cổ phần Văn hóa Phương Nam	Thành phố Hồ Chí Minh	15,05%	15,05%	- Sản xuất kinh doanh các loại sách báo tạp chí văn hóa phẩm
Công ty Cổ phần Mai Lan	Thành phố Hồ Chí Minh	4,17%	4,17%	- Kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Vật liệu tự dính Việt Nam	Thành phố Hồ Chí Minh	12,68%	12,68%	- Sản xuất các loại mực in offset

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	337.977.026.740	(14.565.890.064)	303.349.189.063	(15.503.918.372)
- Công ty Cổ Phần In - Bao Bì An Phú	8.842.353.754	(7.496.769.570)	9.852.166.558	(8.731.325.138)
- Công ty Cổ phần Phát Tài	702.124.160	-	796.819.394	-
- Công ty Cổ Phần Bao Bì Đông Nam Việt	125.673.203	-	243.301.709	-
- Công ty Cổ Phần In Và Bao Bì Bình Thuận	44.465.328	-	50.003.676	-
- Công ty Cổ Phần In Và Phát Hành Sách Lâm Đồng	71.820.000	-	53.613.790	-
- Công ty Cổ phần in Nhân hàng An Lạc	545.505.001	-	772.486.093	-
- Công ty Cổ phần Máy An Phát	1.029.545.550	(1.029.545.550)	1.029.545.550	(1.029.545.550)
- Công ty TNHH Procter & Gamble Đông Dương	62.380.170.420	-	58.816.898.947	-
- Công ty TNHH Chế biến Thực phẩm Olam Việt Nam	42.994.577.750	-	35.137.299.800	-
- Các khách hàng khác	221.240.791.574	(6.039.574.944)	196.597.053.546	(5.743.047.684)
Cộng	337.977.026.740	(14.565.890.064)	303.349.189.063	(15.503.918.372)

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	8.730.020.198	(312.250.125)	6.158.163.150	(328.750.125)
- Coolbree Gmbh	-	-	1.269.479.531	-
- Dow Chemical pacific (Singapore) Pte., Ltd	289.835.125	(289.835.125)	289.835.125	(289.835.125)
- Jiangsu Shuangxing Color Plastic New Materials Co., Ltd	3.259.125.884	-	-	-
- Itochu Plastics Pte., Ltd	1.279.693.800	-	-	-
- Các đối tượng khác	3.901.365.389	(22.415.000)	4.598.848.494	(38.915.000)
Cộng	8.730.020.198	(312.250.125)	6.158.163.150	(328.750.125)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

8. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	8.090.077.595	-	5.958.013.492	-
- Phải thu về cổ phần hóa	1.378.646.190	-	1.378.646.190	-
- Phải thu về lãi tiền gửi, cho vay	5.491.399.998	-	2.498.632.877	-
- Phải thu về bảo hiểm xã hội	696.000	-	3.360.865	-
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	129.360.000	-	1.124.360.000	-
- Tạm ứng	607.377.174	-	583.175.006	-
- Ký quỹ, ký cược	80.000.000	-	5.000.000	-
- Các khoản phải thu khác	402.598.233	-	364.838.554	-
Dài hạn	121.850.000	-	98.850.000	-
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	121.850.000	-	98.850.000	-
Cộng	8.211.927.595	-	6.056.863.492	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

9. NỢ KHÓ ĐÒI

	31/12/2025			01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND
+ Phải thu khách hàng	16.881.561.799	2.315.671.735	(14.565.890.064)	18.272.731.291	(15.503.918.372)
- Công ty Cổ phần In - Bao Bì An Phú	8.842.353.754	1.345.584.184	(7.496.769.570)	9.852.166.558	(8.731.325.138)
- Công ty Cổ phần Máy An Phát	1.029.545.550	-	(1.029.545.550)	1.029.545.550	(1.029.545.550)
- Các đối tượng khác	7.009.662.495	970.087.551	(6.039.574.944)	7.391.019.183	(5.743.047.684)
+ Trễ trước cho người bán	312.250.125	-	(312.250.125)	345.250.125	(328.750.125)
- Công ty TNHH Đầu tư Lava	22.415.000	-	(22.415.000)	22.415.000	(22.415.000)
- Dow Chemical Pacific (Singapore) Pte Ltd	289.835.125	-	(289.835.125)	289.835.125	(289.835.125)
- Công ty TNHH Đầu tư Thương mại An Nhiên	-	-	-	33.000.000	(16.500.000)
Tổng cộng	17.193.811.924	2.315.671.735	(14.878.140.189)	18.617.981.416	(15.832.668.497)

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Hàng đang đi trên đường	3.506.303.497	-	1.484.730.193	-
- Nguyên liệu, vật liệu	115.775.643.427	(6.726.935.019)	104.491.071.261	(10.399.122.791)
- Công cụ, dụng cụ	8.244.436.382	-	7.218.784.441	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	14.256.648.094	-	10.284.754.254	-
- Thành phẩm	38.928.383.014	(10.690.873.419)	38.783.500.814	(9.644.516.489)
- Hàng hóa	36.975.059.676	(635.644.650)	58.839.746.801	(596.578.555)
Cộng	217.686.474.090	(18.053.453.088)	221.102.587.764	(20.640.217.835)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
		(Phân loại lại)
Ngắn hạn	1.937.774.048	648.831.736
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.323.121.650	169.744.167
- Chi phí bảo hiểm	320.156.427	449.349.252
- Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	294.495.971	29.738.317
Dài hạn	27.478.769.946	26.246.054.710
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.344.020.186	1.068.246.525
- Tiền thuê đất tại Khu công nghiệp	21.952.891.887	22.697.639.223
- Chi phí trực in	2.336.132.286	1.950.689.637
- Các chi phí trả trước dài hạn khác	1.845.725.587	529.479.325
Cộng	29.416.543.994	26.894.886.446

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	936.881.705	90.435.455
- Gói thầu "Dự án ERP"	936.881.705	90.435.455
Cộng	936.881.705	90.435.455

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy vi tính <u>VND</u>	Quyền sử dụng đất <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ			
01/01/2025	747.974.227	7.608.195.678	8.356.169.905
- Mua trong năm	44.000.000	-	44.000.000
31/12/2025	791.974.227	7.608.195.678	8.400.169.905
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
01/01/2025	(747.974.227)	(2.401.398.783)	(3.149.373.010)
- Khấu hao trong năm	(3.075.268)	(208.271.880)	(211.347.148)
31/12/2025	(751.049.495)	(2.609.670.663)	(3.360.720.158)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
01/01/2025	-	5.206.796.895	5.206.796.895
31/12/2025	40.924.732	4.998.525.015	5.039.449.747

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc <u>VND</u>	Máy móc thiết bị <u>VND</u>	Phương tiện vận tải, truyền dẫn <u>VND</u>	Thiết bị dụng cụ quản lý <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2025	299.459.454.915	913.461.679.287	79.064.938.341	21.153.750.189	1.313.139.822.732
- Mua trong năm	87.190.000	22.351.368.537	1.591.568.370	1.987.621.474	26.017.748.381
- Phân loại lại	78.570.800	-	(78.720.800)	150.000	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(3.073.698.919)	(249.847.570)	-	(3.323.546.489)
31/12/2025	299.625.215.715	932.739.348.905	80.327.938.341	23.141.521.663	1.335.834.024.624
HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2025	(160.752.504.147)	(666.135.283.914)	(60.124.068.330)	(15.434.877.785)	(902.446.734.176)
- Khấu hao trong năm	(13.511.806.828)	(50.653.740.239)	(3.933.194.150)	(2.161.285.160)	(70.260.026.377)
- Phân loại lại	(8.118.987)	137.249.025	8.118.987	(137.249.025)	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	3.073.698.919	249.847.570	-	3.323.546.489
31/12/2025	(174.272.429.962)	(713.578.076.209)	(63.799.295.923)	(17.733.411.970)	(969.383.214.064)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2025	138.706.950.768	247.326.395.373	18.940.870.011	5.718.872.404	410.693.088.556
31/12/2025	125.352.785.753	219.161.272.696	16.528.642.418	5.408.109.693	366.450.810.560

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ VND	VND	trả nợ VND
Ngắn hạn	101.670.941.128	101.670.941.128	111.240.266.541	111.240.266.541
- Công ty Cổ phần Bao Bì Đồng Nam Việt	248.761.532	248.761.532	52.258.063	52.258.063
- Công ty Cổ phần In Nhãn hàng An Lạc	-	-	56.543.616	56.543.616
- Công ty Cổ phần Máy An Phát	4.785.000	4.785.000	4.785.000	4.785.000
- Công ty Cổ phần Phát Tài	102.912.759	102.912.759	345.907.832	345.907.832
- Công ty TNHH Sakata INX - Việt Nam	7.981.867.337	7.981.867.337	6.590.697.910	6.590.697.910
- Công ty Cổ phần Nhựa bao bì Liên Minh	3.241.987.956	3.241.987.956	-	-
- Các nhà cung cấp khác	90.090.626.544	90.090.626.544	104.190.074.120	104.190.074.120
Cộng	101.670.941.128	101.670.941.128	111.240.266.541	111.240.266.541
Phải thu người bán là các bên liên quan:	361.319.291	361.319.291	1.175.261.038	1.175.261.038
<i>(Chi tiết trình bày tại thuyết minh 32)</i>				

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	31/12/2025	01/01/2025
	Giá trị	Giá trị
	VND	VND
Ngắn hạn	2.254.551.963	2.476.879.828
- H & T Seafood Inc	221.246.352	221.246.352
- Sea Delight, Llc	354.328.580	414.808.580
- Seafood Connection B.V	251.745.872	237.329.210
- Công ty Cổ phần Bao bì Phú Khương	-	502.975.376
- Công ty Cổ phần Bakes	479.315.232	-
- Các đối tượng khác	947.915.927	1.100.520.310
Cộng	2.254.551.963	2.476.879.828

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ/ PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm VND	Số phải nộp đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số phải thu cuối năm VND	Số phải nộp cuối năm VND
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	-	688.306.127	10.557.657.037	9.211.720.738	-	2.034.242.426
- Thuế giá trị gia tăng nhập khẩu	-	-	31.501.859.806	31.501.859.806	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	180.651	-	2.016.911.347	2.043.385.160	26.654.464	-
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	-	-	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	13.546.185.175	27.093.532.144	29.546.185.176	-	11.093.532.143
- Thuế thu nhập cá nhân	-	2.258.610.249	7.394.225.916	7.005.395.626	-	2.647.440.539
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	2.206.053.938	-	4.305.273.428	2.072.761.757	-	26.457.733
- Các khoản thuế khác	-	-	247.748.365	247.748.365	-	-
- Các khoản phải nộp khác	1.986.169.028	27.837.837.018	30.793.785.729	39.934.718.139	1.979.669.028	18.690.404.608
+ Thuế chuyển nhượng nhà 60 Võ Thị Sáu, Vũng Tàu nộp thừa	1.979.669.028	-	-	-	1.979.669.028	-
+ Lợi nhuận sau thuế phải nộp	-	22.403.724.869	26.223.758.858	35.403.724.868	-	13.223.758.859
Ngân sách Nhà nước	-	-	-	-	-	-
+ Khác	6.500.000	5.434.112.149	4.570.026.871	4.530.993.271	-	5.466.645.749
Cộng	4.192.403.617	44.330.938.569	113.910.993.772	121.563.774.767	2.006.323.492	34.492.077.449

Quyết toán thuế của Tổng Công ty sẽ chịu kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Nội dung	01/01/2025		Trong năm		31/12/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	150.142.411.969	150.142.411.969	284.814.468.806	304.208.327.209	130.748.553.566	130.748.553.566
<i>Vay ngắn hạn</i>	<i>133.591.684.872</i>	<i>133.591.684.872</i>	<i>276.070.372.206</i>	<i>287.078.709.592</i>	<i>122.583.347.486</i>	<i>122.583.347.486</i>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Thành phố Hồ Chí Minh (1)	80.886.511.366	80.886.511.366	219.357.649.509	204.884.100.622	95.360.060.253	95.360.060.253
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Thành phố Hồ Chí Minh (2)	52.705.173.506	52.705.173.506	55.510.376.559	81.592.281.456	26.623.268.609	26.623.268.609
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam (4)	-	-	1.202.346.138	602.327.514	600.018.624	600.018.624
<i>Vay và nợ dài hạn đến hạn trả</i>	<i>16.550.727.097</i>	<i>16.550.727.097</i>	<i>8.744.096.600</i>	<i>17.129.617.617</i>	<i>8.165.206.080</i>	<i>8.165.206.080</i>
Ngân hàng TNHH CTBC - Thành phố Hồ Chí Minh (3)	16.550.727.097	16.550.727.097	6.965.325.040	16.550.727.097	6.965.325.040	6.965.325.040
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam (4)	-	-	1.778.771.560	578.890.520	1.199.881.040	1.199.881.040
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	13.930.650.079	13.930.650.079	5.999.405.200	8.744.096.600	11.185.958.679	11.185.958.679
<i>Vay dài hạn</i>	<i>13.930.650.079</i>	<i>13.930.650.079</i>	<i>5.999.405.200</i>	<i>8.744.096.600</i>	<i>11.185.958.679</i>	<i>11.185.958.679</i>
Ngân hàng TNHH CTBC - Thành phố Hồ Chí Minh (3)	13.930.650.079	13.930.650.079	-	6.965.325.040	6.965.325.039	6.965.325.039
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam (4)	-	-	5.999.405.200	1.778.771.560	4.220.633.640	4.220.633.640
	164.073.062.048	164.073.062.048	290.813.874.006	312.952.423.809	141.934.512.245	141.934.512.245

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

(1) Hợp đồng cho vay hạn mức với Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 6 Thành Phố Hồ Chí Minh số 25.33520.0199/2025-HDCVHM/NHCT922-LIKSIN ngày 11/07/2025 bao gồm các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 200.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất bao bì;
- Thời hạn vay: Theo từng kế ước nhận nợ, tối đa không quá 6 tháng;
- Lãi suất cho vay: Theo từng kế ước nhận nợ;
- Phương thức bảo đảm: Không có tài sản đảm bảo;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2025: 95.360.060.253 đồng.

(2) Hợp đồng cho vay hạn mức với Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh số 84/3742/25-DN2/N-CTD ngày 08/10/2025 bao gồm các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 200.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay: Tài trợ các nhu cầu tín dụng khác;
- Thời hạn vay: 12 tháng;
- Lãi suất cho vay: Theo từng kế ước nhận nợ;
- Phương thức bảo đảm: Thế chấp tài sản là Hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh của Khách hàng theo hợp đồng thế chấp hàng hóa số 26/3742/25-DN2/TC ký ngày 21/04/2025 và thế chấp tài sản là Quyền đòi nợ/ quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng thương mại trong quá trình sản xuất kinh doanh của Khách hàng theo hợp đồng thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng số 51/3742/25-DN2/TC ký ngày 23/07/2025;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2025: 26.623.268.609 đồng.

(3) Hợp đồng cho vay hạn mức với Ngân hàng TNHH CTBC - Chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh số ST1968/MT1969-21 ngày 31/05/2021 với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 2.000.000 USD;
- Mục đích vay: Tài trợ mua sắm máy móc thiết bị;
- Thời hạn cho vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân;
- Lãi suất cho vay: Theo từng kế ước nhận nợ;
- Hình thức đảm bảo tiền vay: Máy móc thiết bị mua bằng vốn vay;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2025: 13.930.650.079 đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

(4) Khoản vay của Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam bao gồm 2 hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng số SHBHNC/HĐTD/806400009498 ký ngày 18/10/2023 gồm các điều khoản chi tiết sau:
 - + Hạn mức tín dụng: 11.000.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn cho vay: 35 tháng;
 - + Lãi suất cho vay: Xác định theo từng khế ước nhận nợ.
 - + Tài sản đảm bảo: Các khoản thu được từ khu đất có diện tích 10.800 m2 tại thửa đất số 17, tờ bản đồ số 14, phường Đồng Nguyên, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh (Giấy chứng nhận Quyền SDD và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 490806 ngày 24/01/2011 được UBND tỉnh Bắc Ninh cấp.
- Hợp đồng tín dụng số SHBHNC/HĐTD/790500051943 ký ngày 18/04/2025 gồm các điều khoản chi tiết sau:
 - + Hạn mức tín dụng: 6.000.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: Thanh toán Thư tín dụng trả ngay theo Hợp đồng tín dụng số SHBHNC/HĐTD/790500051982 ký ngày 25/12/2024 để thanh toán nhập khẩu máy móc theo hợp đồng số 01LD-LS ngày 02/11/2024 giữa Công ty Cổ phần Bao bì Liksin Phương Bắc và Công ty Hữu hạn Máy in Bao bì Linda Thành phố Giang Âm;
 - + Thời hạn cho vay: 5 năm kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay đầu tiên;
 - + Lãi suất cho vay: Quy định cụ thể trên đơn rút vốn vay kèm Khế ước nhận nợ của từng khoản vay;
 - + Tài sản đảm bảo: tài sản hình thành từ vốn vay bao gồm 1 Máy ghép khô mẫu LGF300 theo Hợp đồng số 01LD-LS ngày 02/11/2024 giữa Công ty Cổ phần Bao bì Liksin Phương Bắc và Công ty Hữu hạn Máy in Bao bì Linda Thành phố Giang Âm. Các linh kiện, phụ kiện đi kèm với máy móc thiết bị mô tả ở trên được hiểu là một phần không tách rời của tài sản đảm bảo và thuộc quyền xử lý của ngân hàng khi phát mại tài sản.

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn	14.850.326.091	19.224.925.950
- Chi phí hoa hồng môi giới	12.315.019.533	11.090.497.004
- Chi phí lãi vay	179.452.656	223.757.842
- Các chi phí phải trả khác	2.355.853.902	7.910.671.104
Cộng	14.850.326.091	19.224.925.950

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

20. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn	4.136.552.026	3.164.329.208
- Tài sản thừa chờ giải quyết	60.022.695	44.332.018
- Nhận ký quỹ, ký cược	1.166.754.053	922.752.381
- Các khoản phải trả ngắn hạn khác	2.909.775.278	2.197.244.809
+ <i>Quỹ thù lao của người đại diện vốn</i>	<i>1.069.304.179</i>	<i>1.068.491.339</i>
+ <i>Quỹ phát triển KHCN chưa sử dụng hết 70% sau 05 năm</i>	<i>1.231.400.000</i>	<i>589.400.000</i>
+ <i>Phải trả khác</i>	<i>609.071.099</i>	<i>539.353.470</i>
Dài hạn	1.098.093.000	1.103.093.000
- Nhận ký quỹ, ký cược	1.098.093.000	1.103.093.000
Cộng	5.234.645.026	4.267.422.208

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là hệ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2024	845.250.000.000	358.908.631.778	210.321.192.743	32.126.151.500	1.446.605.976.021
- Lãi trong năm trước	-	-	139.171.302.965	7.264.178.438	146.435.481.403
- Phân phối lợi nhuận	-	38.063.286.818	(86.848.279.216)	(4.077.647.397)	(52.862.639.795)
- Nộp NSNN khoản LNST năm nay	-	-	(38.560.237.378)	-	(38.560.237.378)
- Nộp NSNN chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ	-	(319.182.243.122)	-	-	(319.182.243.122)
- Giảm khác	-	-	(1.666.945.264)	-	(1.666.945.264)
31/12/2024	845.250.000.000	77.789.675.474	222.417.033.850	35.312.682.541	1.180.769.391.865
01/01/2025	845.250.000.000	77.789.675.474	222.417.033.850	35.312.682.541	1.180.769.391.865
- Lãi trong năm nay	-	-	147.562.393.852	5.666.457.208	153.228.851.060
- Phân phối lợi nhuận (*)	-	51.692.677.732	(104.454.777.901)	(6.953.600.169)	(59.715.700.338)
- Nộp NSNN khoản LNST năm nay	-	-	(26.223.758.858)	-	(26.223.758.858)
- Giảm khác	-	-	(3.587.046.986)	-	(3.587.046.986)
31/12/2025	845.250.000.000	129.482.353.206	235.713.843.957	34.025.539.580	1.244.471.736.743

(*) Tổng Công ty tạm thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2025 theo các quy định tại Nghị định 366/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 về quản lý và đầu tư vốn nhà nước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

21.1 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Tỷ lệ %	Giá trị VND	Tỷ lệ %
- Vốn Nhà nước	845.250.000.000	100%	845.250.000.000	100%
Cộng	845.250.000.000	100%	845.250.000.000	100%

21.2 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	845.250.000.000	845.250.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	845.250.000.000	845.250.000.000

21.3 QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
- Quỹ đầu tư phát triển	129.482.353.206	77.789.675.474
Cộng	129.482.353.206	77.789.675.474

22. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu	1.661.947.114.876	1.687.345.655.445
- Doanh thu bán hàng hóa và thành phẩm	1.655.679.470.999	1.681.189.315.254
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.267.643.877	6.156.340.191
Cộng	1.661.947.114.876	1.687.345.655.445
Doanh thu với các bên liên quan:	14.319.224.051	11.656.771.469

(Chi tiết trình bày tại thuyết minh 32)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

23. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Chiết khấu thương mại	343.564.206	699.393.806
- Giảm giá hàng bán	43.435.209	56.654.120
- Hàng bán bị trả lại	4.118.863.229	2.107.715.089
Cộng	4.505.862.644	2.863.763.015

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Giá vốn của hàng hóa và cung cấp dịch vụ	1.344.463.409.423	1.376.668.109.936
Cộng	1.344.463.409.423	1.376.668.109.936

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	12.127.853.031	9.087.738.519
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	34.257.254.061	31.582.242.879
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	751.819.627	425.466.840
- Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	2.188.705	103.323.104
- Lãi bán hàng trả chậm	97.925.610	-
Cộng	47.237.041.034	41.198.771.342

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Chi phí lãi vay	7.454.216.569	4.528.796.640
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.606.523.124	639.590.472
- (Hoàn nhập)/Dự phòng tổn thất đầu tư	-	165.860.200
Cộng	9.060.739.693	5.334.247.312

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

27. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP VÀ CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	124.149.704.861	113.680.321.285
- Chi phí nhân viên	77.910.010.438	65.962.697.961
- Trích Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	3.661.528.202	3.588.688.813
- Chi phí đồ dùng văn phòng	1.214.462.091	1.534.387.752
- Chi phí khấu hao TSCĐ	2.838.299.189	3.016.930.675
- Thuế, phí, lệ phí	6.592.112.886	5.199.564.880
- (Hoàn nhập)/Chi phí dự phòng	(915.462.213)	(638.068.754)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.748.573.289	4.930.419.730
- Chi phí bằng tiền khác	29.100.180.979	30.085.700.228
Các khoản chi phí bán hàng	80.177.640.333	75.964.176.749
- Chi phí nhân viên	20.335.505.794	19.997.705.093
- Chi phí vật liệu, bao bì	15.045.738.586	14.917.618.183
- Chi phí khấu hao TSCĐ	224.299.500	168.758.292
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.527.018.612	17.066.309.074
- Chi phí bằng tiền khác	25.045.077.841	23.813.786.107
Cộng	204.327.345.194	189.644.498.034

28. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Lãi bán phế liệu	15.938.970.607	15.580.925.784
- Thu nhập từ hàng kiểm kê thừa	4.110.469	860.348.041
- Thu từ bồi thường	1.577.790.701	629.241.827
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ và công cụ dụng cụ	271.876.263	118.181.818
- Các khoản khác	2.352.293.074	2.808.943.936
Cộng	20.145.041.114	19.997.641.406

29. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Các khoản chậm nộp	4.542.957.160	10.623.978.882
- Các khoản chi phí khác	550.885.989	538.614.731
Cộng	5.093.843.149	11.162.593.613

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

30. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	746.478.783.162	893.993.880.950
Chi phí nhân công	238.751.631.825	253.816.556.293
Chi phí khấu hao tài sản cố định	63.707.121.927	72.004.130.349
Chi phí dịch vụ mua ngoài	40.096.793.568	43.344.963.517
Chi phí khác bằng tiền	81.739.697.232	81.134.758.188
Cộng	1.170.774.027.714	1.344.294.289.297

31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	23.677.882.373	23.922.808.856
- Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty con	2.902.049.770	3.701.856.320
	26.579.932.143	27.624.665.176

32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ BÊN LIÊN QUAN

Trong năm 2025, Tổng Công ty có phát sinh giao dịch và số dư với các bên liên quan sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Bao Bì Liksin Phương Bắc	Công ty con
Công ty Cổ phần Bao Bì Đông Nam Việt	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Giấy Linh Xuân	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Sơn Bạch Tuyết	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Nhựa Phú Thọ	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Phát Tài	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần In Nhãn Hàng An Lạc	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần In - Bao bì An Phú	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần In Bao Bì Bình Thuận	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần In và Phát hành sách Lâm Đồng	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Máy An Phát	Công ty liên kết
Công ty TNHH Liên doanh Hoa Việt	Tổng Công ty là cổ đông lớn

a) Giao dịch bên liên quan

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Công ty Cổ phần In Nhãn Hàng An Lạc	4.690.406.274	4.524.523.235
- Công ty Cổ phần In Bao bì An Phú	2.119.539.577	2.322.818.706
- Công ty Cổ phần Bao bì Đông Nam Việt	1.464.255.550	591.207.588
- Công ty Cổ phần In và Bao bì Bình Thuận	624.100.650	218.344.100
- Công ty Cổ phần In và phát hành sách Lâm Đồng	252.611.200	281.205.100
- Công ty Cổ phần Phát Tài	5.168.310.800	3.718.672.740
Cộng	14.319.224.051	11.656.771.469

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

a) Giao dịch bên liên quan (tiếp)

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Mua hàng		
- Công ty Cổ phần Bao bì Đông Nam Việt	1.700.356.983	3.314.535.042
- Công ty Cổ phần In Bao bì An Phú	1.344.203.877	66.216.065
- Công ty Cổ phần In Nhãn Hàng An Lạc	180.396.000	22.355.200
- Công ty Cổ phần Phát Tài	1.653.622.815	1.210.418.887
Cộng	4.878.579.675	4.613.525.194
	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Cổ tức được chia		
- Công ty Cổ phần Bao Bì Đông Nam Việt	1.592.000.000	1.990.000.000
- Công ty Cổ phần Giấy Linh Xuân	128.076.000	320.190.000
- Công ty Cổ phần Sơn Bạch Tuyết	1.165.617.000	2.328.025.500
- Công ty Cổ phần Phát Tài	1.427.505.887	1.359.412.000
- Công ty Cổ phần In Tiền Giang	50.000.000	50.000.000
- Công ty Cổ phần Nhựa 04	1.976.280.000	237.153.600
- Công ty Cổ phần Mai Lan	129.360.000	129.360.000
- Công ty Cổ phần Văn Hóa Tân Bình	456.126.600	760.211.000
- Công ty Cổ phần In Nhãn Hàng An Lạc	5.447.707.180	4.375.207.285
- Công ty Cổ phần In Bao Bì Bình Thuận	2.567.838.000	2.567.838.000
- Công ty Cổ phần Liên doanh Hoa Việt	18.486.067.394	16.634.169.494
- Công ty Cổ phần Văn hóa Phương Nam	830.676.000	830.676.000
Cộng	34.257.254.061	31.582.242.879

b) Số dư bên liên quan

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Phải thu khách hàng		
- Công ty Cổ phần Bao Bì Đông Nam Việt	125.673.203	243.301.709
- Công ty Cổ phần Phát Tài	702.124.160	796.819.394
- Công ty Cổ phần In Nhãn Hàng An Lạc	545.505.001	772.486.093
- Công ty Cổ phần In - Bao bì An Phú	8.842.353.754	9.852.166.558
- Công ty Cổ phần In Bao Bì Bình Thuận	44.465.328	50.003.676
- Công ty Cổ phần In & phát hành sách Lâm Đồng	71.820.000	53.613.790
- Công ty Cổ phần Máy An Phát	1.029.545.550	1.029.545.550
Cộng	11.361.486.996	12.797.936.770

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

a) Giao dịch bên liên quan (tiếp)

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Phải trả người bán		
- Công ty Cổ phần Bao Bì Đông Nam Việt	248.761.532	768.024.590
- Công ty Cổ phần Phát Tài	102.912.759	345.907.832
- Công ty Cổ phần In - Bao bì An Phú	4.860.000	-
- Công ty Cổ phần In Nhấn Hàng An Lạc	-	56.543.616
- Công ty Cổ phần Máy An Phát	4.785.000	4.785.000
Cộng	361.319.291	1.175.261.038
	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Phải thu khác		
- Công ty Cổ phần Mai Lan	129.360.000	129.360.000
- Công ty Cổ phần Bao Bì Đông Nam Việt	-	995.000.000
Cộng	129.360.000	1.124.360.000

c) Thu nhập của Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Thu nhập của Hội đồng thành viên, kiểm soát viên	3.603.456.000	1.335.169.600
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	3.363.840.000	862.322.880
Cộng	6.967.296.000	2.197.492.480

33. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty khẳng định rằng, xét trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

34. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Tổng Công ty Công nghiệp – In – Bao bì Liksin – TNHH MTV đã được kiểm toán.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Tổng Giám đốc



Phùng Nguyễn Hồng Nguyệt

Nguyễn Lê Quốc Dzinh

Nguyễn Ngọc Minh Thy

LIKSIN